

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22823001] - Thiết kế tủ điều khiển
(CCQ2214A)

CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

Nguyễn Việt Khoa Nguyễn Việt Khoa Nguyễn Việt Khoa Nguyễn Việt Khoa

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122140047	Văn Bá	Đặng	11/04/2004	CCQ2214B				
2	2122140063	Phan Đức	Đạt	10/04/2004	CCQ2214B		7,4	8,3	7,9
3	2122140032	Huỳnh Quang	Duy	18/11/2004	CCQ2214A		6,7	7,8	7,3
4	2122140046	Ngô Hoàng	Hào	14/06/2003	CCQ2214B		6,6	7,0	6,8
5	2121140039	Trần Văn	Hiếu	05/06/2003	CCQ2114A		7,9	8,3	8,1
6	2122140029	Lê Đức	Hiệu	04/11/2004	CCQ2214A		7,2	6,8	6,9
7	2122140062	Phạm Xuân	Hùng	02/10/2004	CCQ2214B		6,9	6,5	6,7
8	2122110224	Nguyễn Quốc	Hùng	08/12/2004	CCQ2211D		7,9	6,8	7,2
9	2121140036	Thân Đức Trường	Huy	19/03/2003	CCQ2114A		6,9	6,8	6,8
10	2122140002	Đào Văn	Khương	08/06/2004	CCQ2214A		7,9	6,8	7,2
11	2122140023	Huỳnh	Lợi	06/08/2004	CCQ2214A				
12	2122140021	Nguyễn Thành	Nam	14/10/2004	CCQ2214A		6,9	7,0	7,0
13	2122140022	Nguyễn Hồng	Ngọc	03/11/2003	CCQ2214A		7,2	9,0	8,3
14	2122140036	Hồ Phạm Minh	Nhật	21/07/2004	CCQ2214B				
15	2122140053	Trần	Nhật	13/01/2004	CCQ2214B				
16	2121140002	Bùi Minh	Nhật	26/02/2003	CCQ2114A		6,9	7,3	7,1
17	2122140055	Nguyễn Hoàng	Phúc	15/06/2004	CCQ2214B		6,7	7,0	6,9
18	2122140041	Phan Văn	Phương	03/12/2004	CCQ2214B		6,8	6,5	6,6
19	2122140027	Nguyễn Bùi Nhật	Sang	02/06/2004	CCQ2214A		7,2	7,0	7,1
20	2122140012	Nguyễn Phi	Tài	06/12/1997	CCQ2214A		8,1	6,0	6,8
21	2122140013	Tô Minh	Thi	04/02/2004	CCQ2214A		8,6	9,5	9,1
22	2122140024	Nguyễn Hữu	Thịnh	17/07/2004	CCQ2214A				
23	2122140014	Hà Trung	Tín	13/10/2004	CCQ2214A		7,9	7,8	7,8
24	2122140034	Nguyễn Thị Huyền	Trang	26/12/2003	CCQ2214A		8,3	9,0	8,7
25	2122140016	Lê Quốc	Trung	17/02/2004	CCQ2214A		8,2	8,5	8,4
26	2122140039	Nguyễn Hữu	Tỷ	18/05/2004	CCQ2214B		6,3	6,0	6,1
27	2120150055	Trần Văn	Vàng	29/05/2002	CCQ2015B		8,4	7,8	8,0
28	2122140006	Đặng Nguyên Huy	Viễn	16/12/2003	CCQ2214A		8,4	8,8	8,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22823001] - Thiết kế tủ điều khiển
(CCQ2214A)
CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt: 24
Số bài thi:24..
Số tờ giấy thi:.....24..

Đỗ Khắc Đỗ Khắc Đỗ Khắc Đỗ Khắc
Nguyễn Việt Khoa Nguyễn Việt Khoa Nguyễn Việt Khoa Nguyễn Việt Khoa

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122140005	Mai Xuân	Vũ	02/11/2004	CCQ2214A		<u>Vũ</u>	8,5	9,0	8,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22823003] - Thiết kế tủ điều khiển
(CCQ2214A)

CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt: 18...

Số bài thi: 18...

Số tờ giấy thi: 18...

NVL
Nguyễn Việt Khoa
ĐSPh
Đỗ Phụng
NVL
Nguyễn Việt Khoa
ĐSPh
Đỗ Phụng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122140044	Phạm Văn Đặng	16/03/2004	CCQ2214B					
2	2122140026	Mai Tấn Đạt	30/01/2004	CCQ2214A		<u>Dat</u>	7,8	8,3	8,1
3	2121140019	Nguyễn Thế Du	03/04/2003	CCQ2114A		<u>Du.</u>	7,3	7,8	7,6
4	2122140056	Phạm Quý Hải	03/10/2004	CCQ2214B					
5	2121140006	Nguyễn Ngọc Hiền	18/03/2003	CCQ2114A		<u>Hien</u>	7,6	7,5	7,5
6	2121140029	Nguyễn Thanh Hồ	29/08/2003	CCQ2114A		<u>Ho'</u>	7,1	6,8	6,9
7	2121140014	Trần Quốc Khánh	02/09/2003	CCQ2114A		<u>Khánh</u>	8,4	8,0	8,2
8	2121140015	Phạm Minh Khôi	05/11/2003	CCQ2114A		<u>Khoi</u>	7,0	6,0	6,4
9	2121140003	Nguyễn Ngọc Lâm	20/10/2003	CCQ2114A		<u>Lam</u>	7,7	9,0	8,5
10	2121140028	Nguyễn Phi Long	25/06/2003	CCQ2114A		<u>Long</u>	7,7	8,3	8,0
11	2121140001	Nguyễn Hồng Nguyên	10/06/2003	CCQ2114A		<u>NK</u>	7,2	7,8	7,5
12	2121140024	Nguyễn Thanh Nhân	28/05/2003	CCQ2114A		<u>Nhan</u>	7,2	6,5	6,8
13	2121140031	Lê Tấn Phát	25/06/2003	CCQ2114A		<u>Phat</u>	7,0	6,5	6,7
14	2121140011	Nguyễn Thanh Sơn	08/01/2003	CCQ2114A		<u>S</u>	7,0	6,8	6,9
15	2121140026	Trần Thế Thuận	03/12/2003	CCQ2114A		<u>Thun</u>	7,2	7,0	7,1
16	2121140017	Lê Hoàng Triều	08/08/2002	CCQ2114A		<u>Triu</u>	7,3	7,5	7,4
17	2121140016	Đỗ Minh Trường	06/05/2003	CCQ2114A		<u>Truong</u>	7,8	7,0	7,3
18	2121140033	Vũ Nhật Trường	20/05/2003	CCQ2114A		<u>VNT</u>	7,2	6,8	6,9
19	2121140007	Đỗ Tiến Vĩ	03/06/2003	CCQ2114A		<u>Vi</u>	7,7	8,0	7,9
20	2121140021	Hoàng Công Vinh	02/08/2003	CCQ2114A		<u>Vinh</u>	7,4	7,3	7,3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833701] - Thiết kế tủ điều khiển
(CCQ2215AB)

CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

Nguyễn Việt Khoa
Đỗ phước
Nguyễn Việt Khoa
Đỗ phước

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150028	Lê Tấn	Bằng	29/09/2004	CCQ2215A		<i>Bằng</i>	8,3	6,3	7,1
2	2122150013	Nguyễn Quốc	Bảo	29/05/2004	CCQ2215A		<i>Bảo</i>	7,3	8,0	7,7
3	2122150040	Huỳnh Duy	Bình	08/10/2004	CCQ2215A		<i>Đạt</i>	7,8	6,8	7,2
4	2122150002	Trương Thanh	Bình	07/10/2003	CCQ2215A		<i>Thanh</i>	8,0	8,8	8,5
5	2122150026	Hoàng Nguyễn Nhật	Đăng	09/08/2004	CCQ2215A		<i>Đạt</i>	8,0	8,3	8,2
6	2122150027	Lữ Phan Thành	Đạt	12/02/2004	CCQ2215A		<i>Đạt</i>	8,5	7,0	7,6
7	2122150033	Nguyễn Quốc	Đoàn	10/10/2004	CCQ2215A					
8	2122150034	Nguyễn Xuân	Giáp	16/12/2004	CCQ2215A		<i>Giáp</i>	7,5	7,8	7,7
9	2122150024	Huỳnh Thanh	Hào	02/03/2004	CCQ2215A		<i>Hào</i>	8,8	9,0	8,9
10	2122150023	Nguyễn Quốc	Hoài	08/01/2004	CCQ2215A					
11	2122150036	Nguyễn Khắc Nam	Hoàng	21/03/2004	CCQ2215A		<i>Hoàng</i>	5,0	6,3	5,8
12	2122150021	Hoàng Văn	Huân	06/06/2004	CCQ2215A		<i>Huân</i>	8,3	8,0	8,1
13	2122150032	Vi Tuấn	Hùng	21/03/2004	CCQ2215A		<i>Hùng</i>	8,3	7,8	8,0
14	2122150018	Đinh Văn	Huy	27/02/2004	CCQ2215A		<i>Huy</i>	8,5	8,3	8,4
15	2122150043	Già Tấn	Huyền	17/06/2004	CCQ2215A		<i>Huyền</i>	8,8	7,8	8,2
16	2122030206	Phạm Tuấn	Khanh	31/12/2004	CCQ2215A					
17	2122150020	Trần Minh	Khôi	30/07/2001	CCQ2215A		<i>Khôi</i>	6,8	7,5	7,2
18	2122150015	Nguyễn Huỳnh Minh	Lý	12/04/2004	CCQ2215A		<i>Lý</i>	8,5	8,5	8,5
19	2122150101	Nguyễn Minh	Lý	28/12/2003	CCQ2215A		<i>Lý</i>	8,8	8,8	8,8
20	2122150004	Phan Văn	Lý	26/06/2004	CCQ2215A		<i>Lý</i>	8,3	8,5	8,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833703] - Thiết kế tủ điều khiển
(CCQ2215CD)

CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

OK!!!
Đỗ phía *Nguyễn Việt Khoa* *Đỗ phía*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150078	Lương Văn Bình	24/10/2004	CCQ2215C		<i>Bình</i>	7,8	7,0	7,3
2	2122150090	Nguyễn Văn Chương	17/04/2004	CCQ2215C		<i>Chương</i>	6,8	7,8	7,4
3	2122150080	Nguyễn Duy Cường	21/04/2004	CCQ2215C					
4	2122150049	Nguyễn Quốc Đạt	25/04/2004	CCQ2215C		<i>Đạt</i>	8,3	8,0	8,1
5	2122150068	Ngô Thanh Diệu	14/08/2004	CCQ2215C		<i>Diệu</i>	8,0	8,3	8,2
6	2122150046	Nguyễn Văn Định	10/11/2004	CCQ2215C		<i>Định</i>	9,0	8,8	8,9
7	2122150077	Nguyễn Duy Đông	15/07/2004	CCQ2215C		<i>Đông</i>	7,5	7,8	7,7
8	2122150052	Trần Minh Dương	20/04/2004	CCQ2215C		<i>Dương</i>	8,8	8,0	8,3
9	2122150065	Nguyễn Ngọc Hải	28/12/2004	CCQ2215C		<i>Hải</i>	6,8	7,8	7,4
10	2122150057	Huỳnh Huy Hùng	17/08/2004	CCQ2215C		<i>Hùng</i>	7,0	7,5	7,3
11	2122150061	Phạm Văn Hùng	25/08/2004	CCQ2215C		<i>Hùng</i>	8,5	6,0	7,0
12	2122150054	Đặng Quang Huy	08/04/2003	CCQ2215C		<i>Huy</i>	8,3	8,5	8,4
13	2122150060	Nguyễn Quang Huy	07/10/2004	CCQ2215C		<i>Huy</i>	6,5	7,0	6,8
14	2122150045	Nguyễn Tấn Huy	24/01/2004	CCQ2215C		<i>Huy</i>	7,0	7,5	7,3
15	2122150074	Trần Quang Huy	27/08/2004	CCQ2215C		<i>Huy</i>	7,8	8,3	8,1
16	2122150063	Trương Gia Kiện	22/01/2004	CCQ2215C		<i>Kiến</i>	6,0	5,0	5,4
17	2122150099	Phan Văn Kiệt	23/05/2004	CCQ2215C		<i>Kiệt</i>	8,8	9,0	8,9
18	2122150044	La Ngọc Lễ	29/08/2004	CCQ2215C					
19	2122150011	Lê Quốc Mạnh	16/01/2004	CCQ2215A		<i>Mạnh</i>	7,8	7,3	7,5